

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2021

V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,  
nuôi con và chia tài sản chung.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Trần Văn Đô;**
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Phạm Phước Tâm;**  
Bà **Hồ Thị Mai Hương;**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 650/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 24/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Nơi ở hiện nay: Ấp 5, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L có mặt; anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2020; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng L trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị L và anh T tổ chức đám cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L ngày 18/01/2011. Trong thời gian đầu sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng nhiều, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thành. Vợ chồng đã không còn sống chung hơn 1,5 năm nay và không ai có ý hàn gắn tình cảm. Xét thấy hôn nhân không đạt được mục đích nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim D, sinh ngày 30/11/2011 hiện đang sống chung với anh T. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

**Bị đơn là anh Trần Văn T:** Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, anh T cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa chị L xác định con chung là Trần Thị Kim D đang sống với anh T ổn định và đang phát triển tốt về mọi mặt. Đồng thời, anh T cũng có đủ điều kiện kinh tế chăm sóc con chung. Do đó, chị L tự nguyện để con chung cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

1. Giấy Trích lục kết hôn Lê Thị Hồng L – Trần Văn T, ngày đăng ký 18/01/2011, do UBND xã M, huyện L cấp (Bản sao);
2. Giấy Trích lục khai sinh Trần Thị Kim D, sinh ngày 30/11/2011 (Bản sao);
3. Đơn xác nhận nơi cư trú Lê Thị Hồng L, được UBND xã M xác nhận ngày 23/11/2020.

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 28/01/2021 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

### ***Về tố tụng:***

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Lê Thị Hồng L có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

[2]. Về thẩm quyền, xét thấy: Bị đơn anh Trần Văn T hiện đang cư trú tại Ấp T, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[3] Anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

### ***Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn:***

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2010. Hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L vào ngày 18/01/2011 nên xác định đây là hôn nhân là hợp pháp. Chị L yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Chị L và anh T không còn chung sống với nhau hơn 1,5 năm nhưng anh T cũng không có hành động hay đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được chị L tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là anh T đã được được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng L.

[5] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên Trần Thị Kim D, sinh ngày 30/11/2011, hiện đang sống chung với anh T. Chị L đồng ý để con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng là căn cứ điều kiện chăm sóc con chung. Tại phiên tòa hôm nay chị L cho

rằng con chung đang sống với anh T phát triển tốt, ổn định và có đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian chăm sóc con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L. Chị L không cấp dưỡng nuôi con, do anh T không đến Tòa án làm đơn yêu cầu. Nếu sau này anh T có yêu cầu cấp dưỡng thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

Anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kim D, sinh ngày 30/11/2011. Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị L trình bày thống nhất vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án chị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo Biên lai số BI/2019/0011983 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Thị Hồng L.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng L được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Kim D, sinh ngày 30/11/2011. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không làm đơn yêu cầu.

Chị Lê Thị Hồng L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị L trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị L trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

## 2. Về án phí:

Chị L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số BI/2019/0011983 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Đô**